

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/HS-ST

Ngày: 12 - 6 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Huệ
- Ông Nguyễn Văn Thực

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2024. Tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 51/2024/TLST-HS ngày 03/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-HS ngày 29/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Viết H, sinh ngày 21 tháng 10 năm 1995 tại huyện H, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Tổ dân phố T-T3, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Trần Viết H1, sinh năm 1971 và bà Lê Thị H2, sinh năm 1973; Chưa có vợ, con. Nhân thân: Bản án số 54/2012/HSST ngày 13/7/2012, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà xử phạt 30 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; chấp hành xong ngày 30/8/2013; Ngày 20/6/2018, Phòng CSHS Công an tỉnh T xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”. Tiền án: Bản án số 08/2017/HSST ngày 17/02/2017, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà xử phạt 09 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/8/2017; Bản án số 16/2019/HSST ngày 14/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2022. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, trích xuất có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 17 tháng 02 năm 1994 ở huyện H, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970 và bà Trần Thị H3, sinh năm 1958; Chưa có vợ, con. Nhân thân: Bản án số 73/2011/HSST ngày 24/11/2011, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà

có”. Tiền án: Bản án số 11/2013/HSST ngày 05/3/2013, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/12/2013; Bản án số 56/2014/HSST ngày 29/7/2014, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/01/2015. Bản án số 53/2015/HSST ngày 03/9/2015, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/9/2017; Bản án số 17/2018/HSST ngày 14/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/6/2019. Bản án số 73/2020/HSST ngày 20/8/2020, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản; Bản án số 48/2020/HSST ngày 26/11/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của bản án số 73/2020/HSST ngày 20/8/2020, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 năm 03 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/7/2023. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/3/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, trích xuất có mặt.

* **Bị hại:** Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình

* Người làm chứng:

- Chị Trần Thị D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Ông Trần Viết T1, sinh năm 1941

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị N, chị D, ông T1 đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ ngày 26/01/2024, Trần Viết H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu đen, biển kiểm soát 17B4 - 42951 đến nhà Nguyễn Văn T chơi. Sau đó H, T rủ nhau đi trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, T vào nhà lấy 02 bao tải màu vàng cho vào trong cốp xe rồi điều khiển xe mô tô chở H đi đến thôn T, xã Đ, huyện H. Khi đi đến khu vực nhà chị Phạm Thị Hồng N, quan sát thấy nhà chị N không khóa cổng, trong nhà không có người, H dừng xe rồi mở cổng đi vào bên trong, sau đó H dắt xe mô tô vào trong sân dựng xe rồi mở cốp xe lấy 02 bao tải rồi cùng T đi đến chuồng gà của nhà chị N bắt 16 con gà cho vào 02 bao tải và buộc chặt đầu bao rồi H lần lượt bê 02 bao gà ra để lên xe mô tô, T để 01 bao gà ở khung giữa xe và ngồi lên điều khiển xe còn Hoàng ôm 01 bao gà ngồi phía sau. T chở H mang theo 02 bao gà trộm cắp được đi đến nhà chị Trần Thị D để bán (chị D là người buôn bán gà), chị D đồng ý mua với giá 70.000 đồng/kg và bảo T và Hoàng bắt gà cho vào chiếc lồng sắt để ở vệ đường, chị D đếm được tổng cộng 16 con gà, cân lên được được 37 kg và

tra H và T số tiền 2.600.000 đồng. T cầm tiền rồi điều khiển xe chở H về nhà T; khi đến ngõ, T dừng xe chia cho H 1.300.000 đồng và cầm 02 bao tải đi vào nhà còn H điều khiển xe đi về. Số tiền trên H và T đã chi tiêu cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 05/KLGD, ngày 29/01/2024 của Hội đồng định giá huyện H, tỉnh Thái Bình kết luận: 16 con gà ta có tổng khối lượng là 37kg được nuôi từ tháng 8/2023, tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 2.775.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 53/CT-VKSHH ngày 02 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà đã truy tố Trần Viết H, Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều nhất trí nội dung bản Cáo trạng, không có trình bày bổ sung.

Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới do đó đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như tại bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Trần Viết H, Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Viết H mức án tù 02 năm 06 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/01/2024. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án tù 02 năm 06 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/3/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện bồi thường của gia đình bị cáo H, T bồi thường cho bị hại chị N số tiền 3.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại 01 chiếc quần dài màu đen và xanh; 01 chiếc áo khoác lông màu đen cho bị cáo H; lưu hồ sơ vụ án 01 phong bì niêm phong ghi “USB màu đỏ 8Gb của chị Phạm Thị Hồng N. Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo không có tranh luận

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trước phiên tòa hôm nay cũng như tại cơ quan điều tra, các bị cáo H, T đều khai nhận: Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên sáng ngày 26/01/2024, các bị cáo đã đến nhà chị N thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản gồm 16 con gà, trọng lượng 37kg, trị giá 2.775.000 đồng; lời khai của các bị cáo đều thống nhất và là chứng cứ buộc tội cho nhau; phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ngoài ra còn được chứng minh bằng các chứng cứ như: Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, sơ đồ hiện trường và Bản ảnh; Biên bản làm việc về nội dung ghi nhận hình ảnh camera an ninh; Biên bản trích xuất dữ liệu camera an ninh; Biên bản làm việc về nội dung ghi nhận hình ảnh camera; Biên bản nhận dạng người trong ảnh và bản ảnh; Biên bản nhận dạng người trong ảnh và bản ảnh; Bản kết luận định giá tài sản số 05/KLGD, ngày 29/01/2024 của Hội đồng định giá huyện H, tỉnh Thái Bình. Như vậy có đầy đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo H, T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 BLHS: Tội Trộm cắp tài sản.

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

g) Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, ngay giữa ban ngày. Bị cáo H có 02 tiền án về tội “Hủy hoại tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích; bị cáo T có 05 tiền án đều về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích; ngoài ra đều là người có nhân thân xấu; lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”, là tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó phải áp dụng hình phạt nghiêm minh, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét các bị cáo khai báo thành khẩn, đã bồi thường khắc phục hậu quả; bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó cần giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt là phù hợp pháp luật.

[3.1] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn; H là người chuẩn bị xe mô tô và rủ T đi trộm cắp tài sản; T là người chuẩn bị bao tải và là người thực hành tích cực; Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo để quyết định mức hình phạt đối với từng bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 08/6/2024 gia đình các bị cáo T, H đã tự nguyện bồi thường cho chị N số tiền 3.000.000 đồng thay cho các bị cáo; chị N đã nhận đủ số tiền 3.000.000 đồng và không yêu cầu các bị cáo bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào khác; mặc dù số tiền các bị cáo trộm cắp của chị N là 2.775.000 đồng; tuy nhiên đây là sự tự nguyện của gia đình các bị cáo, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự; chấp nhận sự tự nguyện của gia đình các bị cáo Thái H4 bồi thường cho bị hại chị N số tiền 3.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra quản lý của bị cáo H4 01 quần dài màu đen; 01 áo khoác lông màu đen; đây là các tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo H4 đề nghị được nhận lại các tài sản này nên trả lại cho bị cáo H4. Đối với 01 USB màu đỏ 8Gb của chị N, xác định đây là chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Về án phí: Các bị cáo H4, T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Viết H, Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Trần Viết H: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/01/2024.

- Nguyễn Văn T: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/3/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của gia đình các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Viết H bồi thường cho bị hại chị N số tiền 3.000.000 đồng (đã bồi thường xong).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo H 01 quần dài màu đen, xanh; 01 áo khoác lông màu đen.

- Lưu hồ sơ vụ án 01 USB màu đỏ 8Gb quản lý của chị N.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc các bị cáo Trần Viết H, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Viết H có quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án; chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Công an huyện Hưng Hà;
- THADS huyện Hưng Hà;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Bị hại;
- Sở Tư pháp;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Trác